Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 19.11.2020 10:14:30 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2830 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 9 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3304/TTr-SLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 42 đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg với tổng số tiền là: 607.100.000 đồng (Sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm nghìn đồng).

(*Đính kèm danh sách*)

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Châu Thành, Dương Minh Châu, Gò Dầu, Tân Biên, Tân Châu; thị xã: Hòa Thành, Trảng Bàng; thành phố Tây Ninh và gia đình của các cá nhân được hưởng chế độ mai táng phí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Long, Nhung;
- PVHXH;
- Lưu: VT VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh. Tuấn

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ
Theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015, Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011, Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 2830 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Thời gian có Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng từ trần	Mức hưởng	Ghi chú
I	**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/2015/QĐ-TTG**							
1	Tạ Công Trai	1937	Bình Định	Phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	22/6/2020	17/11/2019	14.900.000	
2	Trần Văn Chuông	1955	TP. HCM	Phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh	22/6/2020	06/9/2020	14.900.000	
3	Hà Văn Đôi	1955	Tây Ninh	Xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng	22/6/2020	02/02/2020	14.900.000	
4	Trần Văn Hoa	1945	Tây Ninh	Xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng	22/6/2020	25/3/2020	14.900.000	
5	Võ Thị Miềm	1957	Long An	Xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng	02/10/2019	16/8/2020	14.900.000	
6	Võ Thị Đảm	1948	Tây Ninh	Phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng	02/10/2019	07/7/2020	14.900.000	
7	Trần Văn Cà	1938	Tây Ninh	Phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng	22/6/2020	25/10/2016	12.100.000	
8	Hồ Thị Liệu	1959	Tây Ninh	Phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng	22/6/2020	20/01/2020	14.900.000	
9	Nguyễn Văn Khuynh	1929	Tây Ninh	Phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng	22/6/2020	23/10/2018	13.900.000	
10	Phạm Triệu Khoan	1951	Tây Ninh	Phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng	15/6/2019	17/6/2020	14.900.000	
11	Huỳnh Thị Nốp	1961	Tây Ninh	Xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành	22/6/2020	18/4/2020	14.900.000	
12	Phạm Văn Công	1941	Tây Ninh	Xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành	22/6/2020	23/3/2019	13.900.000	
13	Võ Văn Nghiễm	1950	Long An	Xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành	22/6/2020	29/10/2019	14.900.000	
14	Nguyễn Văn Dâm	1942	Tây Ninh	Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu	22/6/2020	29/01/2018	13.000.000	
15	Trần Văn Trung	1957	Tây Ninh	Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu	22/6/2020	13/7/2017	13.000.000	
16	Phạm Văn Tấn	1953	TP. HCM	Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu	22/6/2020	24/4/2020	14.900.000	
17	Hồ Thanh Hùng	1953	Tây Ninh	Xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu	22/6/2020	07/02/2019	13.900.000	

18	Võ Văn Đảo	1950	Tây Ninh	Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu	15/6/2019	26/8/2020	14.900.000	
19	Nguyễn Văn Hoàng	1962	Tây Ninh	Xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu	29/9/2017	10/01/2016	11.500.000	
20	Trần Văn Theo	1933	Tây Ninh	Xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu	29/9/2017	28/7/2017	13.000.000	
21	Nguyễn Duy Tiên	1937	TP. HCM	Xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu	19/11/2018	22/6/2018	13.000.000	
22	Lý Văn Hai	1960	Tây Ninh	Xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu	22/6/2020	05/6/2018	13.000.000	
23	Trần Văn Đức	1952	Tây Ninh	Xã Phước Đông, huyện Gò Dầu	15/6/2019	24/9/2020	14.900.000	
24	Huỳnh Thị Rưa	1947	Tây Ninh	Xã Phước Đông, huyện Gò Dầu	15/6/2019	25/8/2020	14.900.000	
25	Lê Thị Lệ	1955	Tây Ninh	Xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu	29/9/2017	31/8/2020	14.900.000	
26	Nguyễn Thị Quen	1955	Tây Ninh	Xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu	15/6/2019	06/9/2020	14.900.000	
27	Huỳnh Văn Phên	1953	Đồng Tháp	Xã Tân Hòa, huyện Tân Châu	22/6/2020	14/9/2020	14.900.000	
	Tổng: 27 đối tượng						**383.600.000**	
II	**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 62/2011/QĐ-TTG**							
1	Trần Quang Chiêu	1966	Tây Ninh	Phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành	26/4/2013	24/9/2020	14.900.000	
2	Nguyễn Châu Thanh	1959	Tây Ninh	Phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng	14/6/2018	29/7/2020	14.900.000	
3	Lê Văn Tấn	1959	TP. HCM	Phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng	16/10/2012	12/7/2020	14.900.000	
4	Trần Quang Bào	1960	Campuchia	Xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng	14/6/2018	26/5/2020	14.900.000	
5	Nguyễn Văn Liển	1952	Quảng Trị	Xã An Bình, huyện Châu Thành	16/10/2012	06/10/2020	14.900.000	
6	Nguyễn Văn Bình	1965	Tây Ninh	Xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu	08/01/2013	25/9/2020	14.900.000	
7	Lê Văn Lợi	1959	Tây Ninh	Xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên	16/10/2012	05/10/2020	14.900.000	
8	Thái Hữu Công	1960	Tây Ninh	Xã Trà Vong, huyện Tân Biên	10/7/2015	07/9/2020	14.900.000	
9	Đinh Công Định	1954	Ninh Bình	Xã Tân Đông, huyện Tân Châu	10/7/2013	23/8/2020	14.900.000	
10	Đặng Kim Luông	1960	Long An	Xã Tân Hưng, huyện Tân Châu	16/10/2012	26/8/2020	14.900.000	
	Tổng: 10 đối tượng						**149.000.000**	
III	**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 290/2005/QĐ-TTG**							
1	Huỳnh Văn Lai	1926	Tây Ninh	Phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng	26/6/2020	14/8/2020	14.900.000	
2	Trần Văn Sơn	1949	Long An	Xã Phước Chỉ, thị xã Trảng Bàng	29/12/2012	19/7/2020	14.900.000	
3	Trần Thị Đầm	1940	Tây Ninh	Xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu	26/6/2010	08/4/2020	14.900.000	
4	Trần Văn Phương	1940	Long An	Xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên	30/9/2010	20/9/2020	14.900.000	
5	Trần Văn Kim	1945	Campuchia	Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu	06/10/2010	09/01/2020	14.900.000	

	Tổng: 05 đối tượng						**74.500.000**	

Tổng số đối tượng (I+II+III): 42 đối tượng.

Tổng số tiền (I+II+III): 607.100.000 ***(Sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm nghìn đồng).***

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2834/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT- BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 788/TTr-SNV ngày 16/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II , gồm các thành viên có tên sau:

- Ông Nguyễn Văn Phước, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia và làm Phó Chủ tịch Hội đồng thay bà Mai Thị Lệ, do nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

- Bổ sung ông Nguyễn Đông Trường, Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia và làm thành viên Hội đồng.

Điều 2. Quyết định này là một phần Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các thành viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP, PNCPC;
- Lưu: VT, VP. ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

K.Quý

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng